

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ THÔNG MINH THÁI BÌNH DƯƠNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ THÔNG MINH THÁI BÌNH DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PACIFIC OCEAN INTELLIGENT EQUIPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108688487

3. Ngày thành lập: 08/04/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 6, ngõ 10, ngách 1/10, tổ 7, Phường Phú Lãm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0829278999

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
2.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
3.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
4.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
5.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
6.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
7.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
8.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
9.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
10.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
11.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (trừ loại nhà nước cấm)	2592
12.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
13.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
14.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
15.	Xây dựng nhà để ở	4101
16.	Xây dựng nhà không để ở	4102
17.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
18.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
19.	Xây dựng công trình điện	4221

20.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
21.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
22.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
23.	Xây dựng công trình thủy	4291
24.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
25.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
26.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
27.	Phá dỡ	4311
28.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
29.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
30.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
31.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
32.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
33.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
34.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa.	4610
35.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
36.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
37.	Bán buôn đồ uống	4633
38.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
39.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
40.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.	4649
41.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
42.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659(Chính)
43.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ bán buôn vàng)	4662
44.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
45.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690

46.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
47.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
48.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
49.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
50.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
51.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
52.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
53.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
54.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
55.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
56.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
57.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
58.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
59.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4774
60.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
61.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
62.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
63.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
64.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
65.	Cơ sở lưu trú khác	5590
66.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
67.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
68.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
69.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
70.	Quảng cáo	7310
71.	Cho thuê xe có động cơ	7710

